

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY MÔN PHÁP LUẬT TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC: THỰC TRẠNG, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Huỳnh Thị Ngọc Rạng
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

Tóm tắt: Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng tất yếu trong giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời đại số. Đối với môn Pháp luật, việc ứng dụng công nghệ số không chỉ giúp đổi mới phương pháp giảng dạy mà còn tạo điều kiện để người học tiếp cận nhanh chóng các nguồn dữ liệu pháp lý, nâng cao khả năng tự học và vận dụng pháp luật vào thực tiễn. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật tại các trường đại học vẫn còn gặp nhiều khó khăn về hạ tầng công nghệ, học liệu số, năng lực số của giảng viên và người học. Trên cơ sở phân tích thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: chuyển đổi số, giáo dục đại học, môn Pháp luật, công nghệ số, đổi mới giáo dục.

DIGITAL TRANSFORMATION IN TEACHING LAW COURSES AT UNIVERSITIES: CURRENT SITUATION, CHALLENGES, AND SOLUTIONS

Abstract: Digital transformation has become an inevitable trend in higher education, aiming to improve educational quality and meet the demands for high-quality human resources in the digital era. In the context of legal education, the integration of digital technologies not only facilitates innovation in teaching methods but also enables students to access legal resources more efficiently, enhance self-directed learning, and develop the ability to apply legal knowledge to real-world situations. However, the implementation of digital transformation in teaching Law courses at universities still faces numerous challenges, including inadequate technological infrastructure, limited digital learning resources, and insufficient digital competencies among both lecturers and students. Based on an analysis of the current situation, this paper proposes several practical solutions to enhance the effectiveness of digital transformation in teaching Law courses at universities in the current context.

Keywords: digital transformation; higher education; Law courses; digital technology; educational innovation.

Nhận bài: 08/05/2026

Phản biện: 08/06/2026

Duyệt đăng: 13/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó giáo dục đại học là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất. Chuyển đổi số không chỉ là việc ứng dụng công nghệ thông tin mà còn là quá trình thay đổi toàn diện mô hình quản lý, phương pháp giảng dạy và học tập dựa trên nền tảng công nghệ số.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng nền giáo dục mở, linh hoạt, hiện đại và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, môn Pháp luật tại các trường đại học cần được đổi mới theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, đồng thời tận dụng hiệu quả các thành tựu công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Mặc dù nhiều cơ sở giáo dục đại học đã triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và hệ thống quản lý học tập điện tử, song việc ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật vẫn còn những hạn chế nhất định cần được nghiên cứu và khắc phục.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khái niệm chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số đã trở thành xu hướng tất yếu của giáo dục đại học. Đây là quá trình đổi mới toàn diện hoạt động quản trị, giảng dạy, học tập và đánh giá trên nền tảng công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý.

Theo UNESCO (2023), chuyển đổi số trong giáo dục bao gồm việc xây dựng hạ tầng số, phát triển học liệu số, đổi mới phương pháp dạy học và nâng cao năng lực số của giảng viên, người học, hướng tới môi trường học tập mở, linh hoạt và cá nhân hóa. Tại Việt Nam, chuyển đổi số giáo dục được thúc đẩy thông qua các chính sách của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo, với mục tiêu xây dựng mô hình đại học thông minh và học tập số.

Trong giáo dục đại học, chuyển đổi số không chỉ dừng ở LMS, thư viện điện tử hay lớp học trực tuyến mà còn ứng dụng các công nghệ như AI, Big Data, điện toán đám mây, IoT và phân tích

học tập để hỗ trợ dạy học và quản lý đào tạo. Qua đó, người học được tăng cường khả năng tự học, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề.

Như vậy, chuyển đổi số trong giáo dục đại học là quá trình ứng dụng công nghệ số để đổi mới toàn diện hoạt động đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong nền kinh tế số.

2.2. Chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật

Môn Pháp luật có vai trò quan trọng trong việc trang bị kiến thức pháp lý, hình thành ý thức thượng tôn pháp luật và năng lực vận dụng pháp luật cho sinh viên. Tuy nhiên, do nội dung mang tính lý luận cao và thường xuyên cập nhật, việc đổi mới phương pháp giảng dạy là yêu cầu cần thiết.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giảng dạy môn Pháp luật chuyển từ phương pháp truyền thống sang các mô hình lấy người học làm trung tâm như học tập kết hợp, lớp học đảo ngược, dạy học theo tình huống, mô phỏng phiên tòa và thảo luận trực tuyến. Đồng thời, việc sử dụng cơ sở dữ liệu pháp luật điện tử, thư viện số và các công cụ AI như ChatGPT, Copilot, Gemini hỗ trợ hiệu quả trong tìm kiếm tài liệu, phân tích tình huống và nghiên cứu pháp lý.

Nhìn chung, chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ trong dạy học mà còn góp phần phát triển năng lực số, tư duy pháp lý, khả năng tự học và giải quyết vấn đề của sinh viên trong bối cảnh xã hội số hiện nay.

2.3. Các mô hình lý thuyết vận dụng trong nghiên cứu

2.3.1. Mô hình chấp nhận công nghệ (TAM)

Mô hình TAM do Davis (1989) đề xuất cho rằng quyết định sử dụng công nghệ của người dùng chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi hai yếu tố: nhận thức về tính hữu ích (Perceived Usefulness) và nhận thức về tính dễ sử dụng (Perceived Ease of Use). Hai yếu tố này tác động đến thái độ, ý định sử dụng và hành vi sử dụng công nghệ.

Trong nghiên cứu này, mô hình TAM được sử dụng để phân tích mức độ chấp nhận và sử dụng các nền tảng số của giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập môn Pháp luật. Khi giảng viên nhận thấy công nghệ giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và dễ dàng sử dụng, khả năng ứng dụng chuyển đổi số sẽ cao hơn.

2.3.2. Mô hình TPACK

Mô hình TPACK do Mishra và Koehler (2006) phát triển, nhấn mạnh rằng để triển khai hiệu quả

chuyển đổi số trong giáo dục, giảng viên cần tích hợp đồng thời ba nhóm kiến thức: kiến thức chuyên môn (Content Knowledge), kiến thức sư phạm (Pedagogical Knowledge) và kiến thức công nghệ (Technological Knowledge).

Đối với môn Pháp luật, mô hình TPACK giúp giảng viên lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc thù nội dung pháp lý, đồng thời khai thác hiệu quả các công cụ số để nâng cao năng lực tương tác, xây dựng tình huống pháp lý và tổ chức hoạt động học tập tích cực.

2.3.3. Khung năng lực số DigCompEdu

DigCompEdu do Ủy ban châu Âu xây dựng nhằm đánh giá năng lực số của giảng viên thông qua sáu nhóm năng lực: sử dụng công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp; phát triển và quản lý học liệu số; tổ chức dạy học trên môi trường số; kiểm tra, đánh giá bằng công nghệ; trao quyền cho người học; và hỗ trợ phát triển năng lực số của người học.

Khung DigCompEdu được nhiều quốc gia sử dụng như một cơ sở để xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên. Trong nghiên cứu này, DigCompEdu được vận dụng nhằm đánh giá thực trạng năng lực số của giảng viên giảng dạy môn Pháp luật và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.4. Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học đang được quan tâm rộng rãi trên thế giới. Theo UNESCO (2023) và OECD (2023), chuyển đổi số không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức mà còn nâng cao năng lực số của người học, trong đó hiệu quả triển khai phụ thuộc nhiều vào năng lực giảng viên, phương pháp giảng dạy và cơ chế quản trị. Nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy việc ứng dụng AI, phân tích học tập và học tập kết hợp góp phần nâng cao tương tác và kết quả học tập, song cũng đặt ra những thách thức về đạo đức học thuật, bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào quản trị đại học, học liệu điện tử và ứng dụng công nghệ trong dạy học. Tuy nhiên, nghiên cứu về chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật còn hạn chế, chủ yếu dừng ở mô tả thực trạng hoặc giới thiệu mô hình ứng dụng công nghệ. Vì vậy, vẫn thiếu các nghiên cứu đánh giá toàn diện các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chuyển đổi số và đề xuất mô hình triển khai phù hợp với điều kiện các trường đại học Việt Nam. Đây cũng là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới bổ sung.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (Mixed Methods), kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng nhằm đánh giá thực trạng chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật tại các trường đại học. Dữ liệu được thu thập từ tài liệu khoa học, văn bản chính sách, khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc.

Khảo sát được thực hiện tại 5 trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với 312 phiếu hợp lệ (12 giảng viên và 300 sinh viên). Bảng hỏi được xây dựng dựa trên các mô hình TPACK, TAM và khung năng lực số DigCompEdu, tập trung vào mức độ ứng dụng công nghệ số, năng lực số, hiệu quả chuyển đổi số, khó khăn và nhu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 12 giảng viên để làm rõ những thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp trong quá trình triển khai chuyển đổi số. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0 với các chỉ số thống kê mô tả và đối chiếu giữa các nhóm khảo sát. Kết quả khảo sát thử cho thấy các thang đo đều đạt độ tin cậy cao (Cronbach's Alpha > 0,80), bảo đảm điều kiện sử dụng trong nghiên cứu chính thức.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Nghiên cứu tiến hành khảo sát 312 đối tượng, gồm 12 giảng viên và 300 sinh viên đang giảng dạy, học tập môn Pháp luật tại 05 trường đại học khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giảng viên	12	3,85
Sinh viên	300	96,15
Nam	132	42,31
Nữ	180	57,69
Đã học trực tuyến trên 02 năm	268	85,90
Đã sử dụng AI trong học tập	214	68,59

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên đã có kinh nghiệm học tập trên môi trường số và hơn hai phần ba đã từng sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ học tập. Điều này phản ánh chuyển đổi số đã từng bước trở thành một bộ phận của hoạt động đào tạo đại học. Tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng AI chưa đồng nghĩa với việc người học có khả năng khai thác hiệu quả công cụ này, đòi hỏi các trường đại học cần chú trọng

bồi dưỡng năng lực số và kỹ năng sử dụng AI một cách có trách nhiệm.

Kết quả này phù hợp với nhận định của UNESCO (2023) rằng năng lực số của người học đang được cải thiện nhanh chóng, song vẫn tồn tại khoảng cách giữa khả năng tiếp cận công nghệ và khả năng khai thác công nghệ phục vụ học tập.

4.2. Mức độ sử dụng các nền tảng số trong giảng dạy

Bảng 2. Mức độ sử dụng các nền tảng số của giảng viên

Nội dung	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Hiếm khi (%)
LMS	91,7	8,3	0
PowerPoint	100	0	0
Google Classroom	83,3	16,7	0
Microsoft Teams/Zoom	75,0	25,0	0
Kho học liệu số	66,7	25,0	8,3

Kết quả cho thấy hệ thống LMS đã trở thành nền tảng chủ đạo trong quản lý và tổ chức dạy học. Toàn bộ giảng viên sử dụng bài giảng điện tử, thể hiện sự thay đổi tích cực trong phương pháp giảng dạy.

Tuy nhiên, tỷ lệ khai thác kho học liệu số còn thấp, phản ánh việc phát triển học liệu điện tử chuyên ngành pháp luật chưa theo kịp yêu cầu

chuyển đổi số. Đây cũng là kết quả tương đồng với nghiên cứu của Bond và cộng sự (2021), khi các tác giả cho rằng hạn chế lớn nhất của chuyển đổi số hiện nay không nằm ở hạ tầng mà ở chất lượng học liệu số.

4.3. Mức độ ứng dụng AI trong giảng dạy và học tập môn Pháp luật

Bảng 3. Mức độ sử dụng AI

Nội dung	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)
Tra cứu tài liệu	91,7	82,3
Soạn bài/đề cương	75,0	71,7
Phân tích tình huống pháp luật	58,3	62,7
Xây dựng câu hỏi ôn tập	66,7	78,3
Sử dụng hằng ngày	41,7	53,0

Kết quả khảo sát cho thấy AI đang được sử dụng khá phổ biến trong hoạt động học tập và giảng dạy, chủ yếu phục vụ tra cứu tài liệu, xây dựng đề cương và hệ thống hóa kiến thức. Tuy nhiên, việc ứng dụng AI để phân tích tình huống pháp lý còn tương đối hạn chế.

Điều này phản ánh đặc thù của lĩnh vực pháp luật, nơi việc giải quyết một vấn đề không chỉ phụ thuộc vào quy định pháp luật mà còn gắn với kỹ năng lập luận, tư duy phân biện và vận dụng pháp luật vào từng bối cảnh cụ thể. Vì vậy, AI hiện nay chỉ đóng vai trò hỗ trợ, chưa thể thay thế vai trò của giảng viên trong việc hướng dẫn và phát triển tư duy pháp lý cho sinh viên.

4.4. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động chuyển đổi số

Điểm trung bình đạt 4,21/5 cho thấy sinh viên đánh giá khá tích cực đối với hoạt động chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật. Trong đó, LMS được đánh giá cao nhất do tạo điều kiện thuận lợi trong việc truy cập tài liệu, nộp bài và trao đổi với giảng viên.

Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Selwyn (2022), theo đó môi trường học tập số góp phần nâng cao mức độ tham gia và động lực học tập của sinh viên khi được triển khai một cách đồng bộ.

4.5. Những khó khăn của giảng viên

Khó khăn lớn nhất của giảng viên là việc xây dựng học liệu số, bởi đặc thù của môn Pháp luật đòi hỏi tài liệu phải thường xuyên cập nhật theo sự thay đổi của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Điều này làm gia tăng khối lượng công việc và áp lực chuyên môn đối với đội ngũ giảng viên.

4.6. Những khó khăn của sinh viên

Mặc dù sinh viên có khả năng tiếp cận công nghệ tương đối tốt, song kỹ năng học tập trên môi trường số vẫn còn nhiều hạn chế. Đáng chú ý, gần một nửa số sinh viên thừa nhận có xu hướng phụ thuộc vào AI trong quá trình học tập.

Điều này đặt ra yêu cầu các trường đại học cần xây dựng quy định về sử dụng AI trong học tập,

đồng thời tăng cường giáo dục đạo đức học thuật và kỹ năng kiểm chứng thông tin.

4.7. Đánh giá hiệu quả chuyển đổi số

Kết quả cho thấy chuyển đổi số có tác động tích cực đến hoạt động học tập của sinh viên, đặc biệt là khả năng tra cứu văn bản pháp luật và phát triển năng lực tự học. Đây là những kỹ năng quan trọng đối với người học trong bối cảnh hệ thống pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung.

4.8. Môi liên hệ giữa năng lực số và hiệu quả học tập

Kết quả nghiên cứu cho thấy năng lực số có mối tương quan thuận khá chặt với hiệu quả học tập ($r = 0,71$), cho thấy sinh viên có năng lực số tốt thường đạt kết quả học tập cao hơn và khai thác hiệu quả hơn các công nghệ hỗ trợ học tập. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của OECD (2023) và Zawacki-Richter (2023), khẳng định năng lực số là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Nghiên cứu cũng cho thấy chuyển đổi số đã góp phần nâng cao tính linh hoạt, khả năng tương tác và năng lực tự học của sinh viên thông qua các nền tảng học tập số, học liệu điện tử và công cụ AI. Tuy nhiên, hiệu quả triển khai vẫn phụ thuộc vào năng lực số của giảng viên và sinh viên, chất lượng học liệu, hạ tầng công nghệ và cơ chế quản lý.

Đối với môn Pháp luật, AI chỉ nên được xem là công cụ hỗ trợ, không thay thế tư duy pháp lý. Các năng lực cốt lõi như lập luận, phân tích và vận dụng pháp luật vẫn cần được phát triển thông qua sự hướng dẫn của giảng viên và các phương pháp dạy học tích cực. Vì vậy, chuyển đổi số cần gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao năng lực số cho người dạy và người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

V. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY MÔN PHÁP LUẬT TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Kết quả nghiên cứu cho thấy chuyển đổi số trong giảng dạy môn Pháp luật đã đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế về hạ

tăng, học liệu số, năng lực số của giảng viên và việc ứng dụng AI. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế và hạ tầng số. Các trường đại học cần xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn; đầu tư đồng bộ hệ thống LMS, thư viện số và cơ sở dữ liệu pháp luật; đồng thời ban hành quy định về quản lý học liệu số, bảo đảm an toàn thông tin và hướng dẫn sử dụng AI trong dạy học.

Thứ hai, phát triển năng lực số của giảng viên. Nhà trường cần tổ chức bồi dưỡng thường xuyên về thiết kế học liệu số, ứng dụng AI, khai thác dữ liệu học tập và đổi mới phương pháp giảng dạy. Đồng thời, cần xây dựng cộng đồng học tập nghề nghiệp và đưa năng lực số vào tiêu chí đánh giá giảng viên.

Thứ ba, đổi mới phương pháp giảng dạy và học liệu số. Cần tăng cường các mô hình dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược, dạy học tình huống và mô phỏng phiên tòa; đồng thời phát triển hệ thống học liệu điện tử, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi và tình huống pháp lý dùng chung giữa các cơ sở đào tạo.

Thứ tư, ứng dụng AI theo hướng hỗ trợ. AI cần được sử dụng để hỗ trợ tra cứu, xây dựng học liệu và cá thể hóa học tập, nhưng không thay thế vai trò của giảng viên trong việc hướng dẫn tư duy pháp

lý. Bên cạnh đó, cần bồi dưỡng kỹ năng sử dụng AI có trách nhiệm cho sinh viên và xây dựng quy định về đạo đức học thuật trong môi trường số.

VI. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số đang tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong giáo dục đại học và trở thành động lực quan trọng để đổi mới hoạt động giảng dạy môn Pháp luật. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng công nghệ số và AI góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy, tăng cường khả năng tự học và phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn chịu ảnh hưởng bởi hạ tầng công nghệ, năng lực số của giảng viên và sinh viên, chất lượng học liệu số và cơ chế quản lý.

Trên cơ sở phân tích thực trạng, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp gồm: hoàn thiện cơ chế và hạ tầng số; phát triển năng lực số của giảng viên; đổi mới phương pháp giảng dạy và học liệu số; ứng dụng AI theo hướng hỗ trợ và có kiểm soát. Các giải pháp này góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn Pháp luật và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số.

Nghiên cứu vẫn còn hạn chế về phạm vi khảo sát và phương pháp phân tích. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng mẫu nghiên cứu, áp dụng các mô hình phân tích định lượng và tiếp tục đánh giá tác động của AI, dữ liệu lớn và phân tích học tập đối với giáo dục pháp luật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương. (2013). Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). Quyết định số 131/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2022 ban hành Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030.
- Bond, M., Bedenlier, S., Marin, V., & Händel, M. (2021). Emergency remote teaching in higher education: Mapping the first global online semester. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 18(1), 1–24. <https://doi.org/10.1186/s41239-021-00282-x>
- Chính phủ. (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319–340.
- Denny, P., Gulwani, S., Heffernan, N. T., et al. (2024). Generative AI for Education (GAIED): Advances, Opportunities, and Challenges.
- Mishra, P., & Koehler, M. J. (2006). Technological pedagogical content knowledge: A framework for teacher knowledge. *Teachers College Record*, 108(6), 1017–1054.
- Nguyễn Thị Hồng Vinh. (2024). Nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong thời kỳ chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc. (2023). Năng lực số của giảng viên đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*.
- Nguyễn Văn Cường. (2022). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Giáo dục*.
- OECD. (2023). *OECD Digital Education Outlook 2023: Towards an Effective Digital Education Ecosystem*.
- Phạm Đỗ Nhật Tiến. (2022). *Chuyển đổi số trong giáo dục*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Quốc hội. (2018). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14).
- Quốc hội. (2019). Luật Giáo dục (Luật số 43/2019/QH14).
- Redecker, C. (2017). *European Framework for the Digital Competence of Educators (DigCompEdu)*. Publications Office of the European Union.
- Selwyn, N. (2022). *Education and Technology: Key Issues and Debates* (3rd ed.). Bloomsbury Academic.
- Trần Khánh Đức. (2021). Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Quản lý Giáo dục*.
- UNESCO. (2023). *Guidance for Generative AI in Education and Research*.
- Vũ Hải Quân. (2023). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: Cơ hội và thách thức. *Tạp chí Giáo dục*.
- Zawacki-Richter, O., Marin, V. I., Bond, M., & Gouverneur, F. (2019). Systematic review of research on artificial intelligence applications in higher education. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 16(39).